

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

Đợt thi ngày 08 tháng 10 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh

Ngày thi: 08/10/2023

Buổi thi: Chiều

Phòng thi: 301

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	216601CLC01	Bùi Thị Ngọc Anh	11/11/2003					
2	216601CLC02	Hà Thị Minh Ánh	04/11/2003					
3	2166010002	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/06/2003					
4	2166010003	Đào Thị Minh Châu	09/09/2003					
5	2166030001	Phạm Thảo Chi	21/11/2003					
6	2166010031	Nguyễn Thị Huyền Chi	20/02/2003					
7	2166010004	Hoàng Thị Cúc	22/11/2002					
8	216602CLC01	Hà Văn Cường	16/10/1998					
9	216602CLC02	Hà Minh Đạt	08/06/2003					
10	216602CLC03	Hà Thị Diễm	09/04/2003					
11	2069020005	Vi Thị Diệp	11/18/2001					
12	216601CLC03	Nguyễn Thị Huyền Diệu	11/06/2003					
13	2166010005	Hà Thị Dịu	05/02/2003					
14	216602CLC04	Vi Thị Doan	22/02/2003					
15	2166030002	Trương Văn Dương	04/11/2002					
16	2166030003	Nguyễn Thị Duyên	01/08/2003					
17	2166010007	Nguyễn Thị Ngọc Hà	02/12/2003					
18	2166010006	Trần Thị Thu Hà	27/09/2003					
19	2166030004	Bùi Khánh Hạ	25/09/2003					
20	2166030005	Phạm Văn Hải	17/08/2003					
21	2166030006	Trịnh Ngọc Hân	01/05/2002					
22	2166030007	Mai Thị Hằng	17/09/2003					
23	2166010008	Trương Thị Hậu	25/06/2003					
24	2166010009	Vi Thị Hậu	17/03/2003					
25	2166030008	Trần Thị Hiền	05/06/2003					
26	216601CLC04	Lô Thị Hiền	05/07/2003					
27	2166030009	Trịnh Thị Hoài	16/06/2003					
28	216602CLC05	Cao Thị Hồng	19/06/2003					
29	2064020067	Nguyễn Thị Vân Hồng	1/7/2001					
30	216601CLC05	Trương Thị Hợp	15/02/2003					
31	2166010029	Trương Thị Tuyết	05/01/2003					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 10 năm 2023



Đậu Bá Thìn

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DỪNG CHO VIỆT NAM**

Đợt thi ngày 08 tháng 10 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh

Ngày thi: 08/10/2023

Buổi thi: Chiều

Phòng thi: 302

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	2166010010	Nguyễn Thị Huế	21/12/2003					
2	2166030011	Hoàng Thị Huyền	10/10/2003					
3	2166030010	Lường Thị Huyền	01/06/2003					
4	216601CLC06	Bùi Thị Khánh	29/09/2003					
5	216601CLC07	Hà Thị Khánh	16/12/2003					
6	2166030012	Lộc Minh	03/03/2002					
7	216602CLC06	Trương Thị Lệ	16/02/2003					
8	2166030013	Lê Thị Liên	12/12/2003					
9	2166030014	Bùi Anh	02/01/2003					
10	2166030015	Lê Thùy	31/12/2003					
11	2166030016	Nguyễn Thị Trường	27/05/2003					
12	2166030017	Vũ Thị Thùy	22/03/2003					
13	216601CLC08	Lê Thùy	07/01/2003					
14	2166010011	Lương Thị Diệu	08/02/2003					
15	2166010012	Nguyễn Thị	09/07/2003					
16	2166010013	Phạm Hà	15/09/2003					
17	216602CLC07	Cầm Thị	10/11/2003					
18	2166010014	Trương Thị Thùy	05/10/2003					
19	1961030010	Bùi Sỹ	15/8/2001					
20	2166010015	Bùi Thị	03/10/2003					
21	2166010016	Hà Khánh	01/01/2003					
22	216601CLC09	Bùi Thị Ngọc	02/01/2003					
23	2166020001	Bùi Thành	10/05/2002					
24	216602CLC08	Phạm Thị Ánh	02/03/2003					
25	2166010017	Bùi Thị	02/02/2003					
26	2166030018	Bùi Thị	11/09/2003					
27	2166010019	Lưu Việt	22/03/1997					
28	2166010018	Nguyễn Thị	10/05/2003					
29	2166030019	Hoàng Thị	08/09/2002					
30	2166010028	Lê Thùy	16/03/2003					
31	2166030027	Nguyễn Thị	30/01/2003					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 10 năm 2023



Đậu Bá Thìn

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

Đợt thi ngày 08 tháng 10 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh

Ngày thi: 08/10/2023

Buổi thi: Chiều

Phòng thi: 303

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	2166010020	Nguyễn Thị Minh Ngọc	23/04/2003					
2	2166010021	Trần Thị Ngọc	11/08/2003					
3	2166010022	Lương Diệu Linh	30/05/2003					
4	216602CLC09	Lê Thị Nguyên	06/07/2003					
5	216601CLC10	Phạm Thị Thanh Nhân	05/10/2003					
6	2166010023	Hà Linh Nhi	20/11/2003					
7	2064010219	Lê Thị Quỳnh Như	15/1/2002					
8	216601CLC11	Bùi Thị Nhung	25/08/2003					
9	2166010024	Triệu Thị Nhung	14/02/2003					
10	2166030020	Phùng Thị Kim Oanh	17/10/2003					
11	216602CLC10	Hà Thị Kiều Oanh	15/03/2003					
12	2066010059	Hà Thị Lâm Oanh	20/07/2002					
13	2166030021	Hoàng Văn Phương	26/06/2003					
14	2166030022	Phạm Bích Phương	21/10/2003					
15	2166030023	Phạm Thị Phương	26/09/2003					
16	2166010025	Phan Thục Quyên	24/03/2003					
17	216601CLC12	Phạm Thị Ánh Quyết	25/01/2003					
18	2166030024	Nguyễn Thị Quỳnh	23/07/2003					
19	2166010026	Cao Như Quỳnh	10/05/2003					
20	216601CLC13	Quách Thị Tâm	19/09/2003					
21	2064020087	Nguyễn Thanh Tâm	08/06/1998					
22	216601CLC14	Phạm Thị Phương Thành	10/10/2003					
23	2166030025	Vũ Thanh Thảo	28/02/2003					
24	216602CLC11	Bùi Văn Thiện	23/10/2003					
25	2166010027	Trương Thị Thư	20/08/2003					
26	216602CLC12	Phạm Thị Thuận	30/10/2003					
27	216602CLC13	Lò Trí Thức	27/01/2002					
28	216602CLC14	Bùi Thị Hoài Thương	02/09/2003					
29	216602CLC15	Triệu Thị Thủy	11/05/2003					
30	2166030026	Lò Thị Tiến	01/03/2003					
31	2061070008	Trịnh Thế Toàn	07/10/1984					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 10 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC**
Đậu Bá Thìn

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

Đợt thi ngày 08 tháng 10 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh

Ngày thi: 08/10/2023

Buổi thi: Sáng

Phòng thi: 301

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	1967020013	Cao Thế Duy	09/02/2000					
2	2067020039	Cầm Bá Đại	14.05.1993					
3	2067020009	Đậu Thị Kim Huệ	15.04.2002					
4	2067020008	Lê Thị Hạnh	19.05.2002					
5	2067020043	Trần Thị Hiền	25.08.2002					
6	2067020045	Dur Thị Hiền	22.12.2002					
7	2067020010	Hà Diệu Huyền	10.10.2001					
8	2067020018	Đỗ Ánh Nguyệt	27.04.2003					
9	2067020059	Nguyễn Thị Yên Nhi	07.08.2001					
10	1867020036	Hà Thị Nhung	14.02.2000					
11	1867010054	Hoàng Thị Tú	04/07/2000					
12	2067020053	Nguyễn Thị Hoa Lê	09.07.2002					
13	2067020041	Nguyễn Viết Dũng	02.01.2002					
14	2067020051	Lê Hoàng Trung Kiên	22.06.2002					
15	216602CLC16	Lê Thị Vân	28/08/2003					
16	216601CLC15	Bùi Thị Thanh Vân	11/11/2003					
17	2166030028	Trần Như Viên	11/01/2003					
18	2166010030	Nguyễn Thị Ngọc Viên	07/10/2003					
19	2166030029	Lê Thị Yến	05/03/2003					
20	2169010217	Lê Thị Khánh Linh	02/04/2003					
21	196C680072	Lê Thị Ngọc	02.04.2001					
22	216C680004	Lê Thị Minh Ánh	16.12.2003					
23	216C680010	Chu Thị Hoa	23.08.2002					
24	216C680011	Trịnh Thị Hoài	08.08.2002					
25	216C680012	Lê Thị Hoài	01.01.2003					
26	216C680016	Đồng Thị Linh	15.05.2003					
27	216C680019	Hoàng Thị Loan	10.10.2003					
28	216C680020	Nguyễn Thị Hồng Luyến	08.01.2003					
29	216C680021	Lê Thị Nguyệt	05.11.2000					
30	216C680028	Nguyễn Thị Thoa	15.02.2003					
31	216C680036	Hà Thị Yến	16.07.1999					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 10 năm 2023



Đậu Bá Thìn

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

Đợt thi ngày 08 tháng 10 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh

Ngày thi: 08/10/2023

Buổi thi: Sáng

Phòng thi: 302

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	2169010218	Lưu Phương Linh	01/08/2003					
2	2064010124	Nguyễn Phương Mai	02.11.2002					
3	2169010224	Cao Thị Nga	20/01/2003					
4	2066010032	Phạm Thị Nguyệt	11.10.2002					
5	2064010128	Lê Thị Nhân	03.12.2001					
6	2169010229	Lê Thị Nhung	18/04/2003					
7	2169010230	Thao Thị Nhung	16/03/2003					
8	2169010232	Đào Thị Thu Phương	11/09/2003					
9	2064020032	Mai Thị Phụng	20.07.2002					
10	2169010233	Đoàn Thị Minh Phụng	15/11/2003					
11	2061010035	Nguyễn Minh Quý	12.10.2002					
12	2064020036	Hoàng Như Quỳnh	27.06.2002					
13	2169010234	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/11/2003					
14	2169010235	Trịnh Thị Hải Sâm	21/01/2003					
15	2068010013	Bùi Đức Tâm	30.10.2002					
16	2069020026	Hà Văn Thái	25.05.2001					
17	2064020041	Nguyễn Duy Thành	05.12.2002					
18	2169010236	Đặng Phương Thảo	17/09/2003					
19	2169010238	Hồ Thị Thơm	10/10/2001					
20	2169010240	Ngô Thị Thương	01/10/2003					
21	2169010244	Lê Thị Trang	28/08/2003					
22	2169010245	Trịnh Thị Kiều Trang	20/08/2003					
23	2068010015	Lê Đình Tuấn	12.07.2002					
24	2169070007	Vi Văn Tùng	16.10.2001					
25	2169010123	Phạm Thị Tươi	10/09/2003					
26	2061010056	Nguyễn Thị Tuyên	10.08.2002					
27	2061010060	Nguyễn Tố Uyên	14.11.2001					
28	2069000217	Nguyễn Khánh Vân	10.02.2002					
29	2169010250	Phạm Thị Viên	20/02/2003					
30	2169000231	Hà Minh Vương	16.04.2003					
31	2069000054	Hoàng Tiểu Yến	02.01.2002					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

TỔ TRƯỞNG TỔ CHĂM

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 10 năm 2023



Đậu Bá Thìn

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

Đợt thi ngày 08 tháng 10 năm 2023

Tên kỹ năng: Kỹ năng Nói - Tiếng Anh

Ngày thi: 08/10/2023

Buổi thi: Sáng

Phòng thi: 303

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề	Điểm số	Điểm chữ	Chữ ký	Ghi chú
1	2064020002	Nguyễn Hoàng Anh	27.12.2002					
2	2064010107	Trịnh Thị Huyền Châm	10.04.2002					
3	2064020006	Phạm Thị Linh Chi	21.02.2002					
4	2169010193	Lương Thị Linh Chi	12/02/2003					
5	2069000169	Trần Văn Chiến	09.03.1999					
6	2064020007	Trịnh Đình Đại	03.07.2002					
7	2061030005	Cao Sơn Đăng	23.02.2002					
8	2066030002	Nguyễn Văn Đạt	26.09.2002					
9	2169010195	Bùi Thị Huyền Diệu	03/10/2003					
10	2169010196	Nguyễn Thị Định	23/05/2003					
11	2063020014	Lâm Thị Giang	14.04.2002					
12	2066010011	Mai Thị Hà	14.09.2002					
13	2169010075	Cầm Thị Hà	02.03.2003					
14	2169010201	Hoàng Thị Hà	12/01/2003					
15	2063020017	Lê Mai Hạnh	10.01.2022					
16	2169010078	Bùi Thị Hiên	10.07.2000					
17	2069020011	Đỗ Minh Hiếu	25.04.2001					
18	2169010206	Nguyễn Thị Hòa	02/07/2003					
19	2064010117	Phạm Thị Lan Hương	09.08.2002					
20	2169010208	Nguyễn Mai Hương	25/08/2003					
21	2169010209	Trịnh Thu Hương	26/01/2003					
22	2169010252	Trịnh Thị Hương	21/07/2003					
23	2069000128	Nguyễn Khánh Huyền	26.12.2002					
24	2069000183	Trương Thị Khánh Huyền	28.05.2002					
25	2169010085	Đỗ Thị Thanh Huyền	02.08.2002					
26	2169010210	Bùi Khánh Huyền	02/10/2003					
27	2169010212	Phạm Thị Thu Huyền	30/07/2003					
28	2064010119	Nguyễn Hồng Khánh	08.07.2002					
29	2064010116	Lê Thị Lệ	12.02.2001					
30	2069000244	Phạm Hải Linh	09.09.2002					
31	2169010090	Bùi Thị Thùy Linh	12.10.2003					
32	2169010215	Dương Khánh Linh	13/12/2003					

Số SV trong Danh sách gồm:..... Số SV dự thi:..... Số tờ giấy thi:.....

Số SV bị kỷ luật:.....trong đó KT:.....CC:.....ĐC:.....

CB COI THI 1

CB COI THI 2

TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 10 năm 2023



Đậu Bá Thìn